

Số: 222/TB - HVCSPT

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2021

THÔNG BÁO
V/v rà soát các sinh viên thuộc diện cảnh báo học tập

- Căn cứ khoản 1, khoản 2 thuộc Điều 17 của Quy chế đào tạo số 658/QĐ-HVCSPT ngày 12/8/2020 về việc cảnh báo kết quả học tập và buộc thôi học của sinh viên tại Học viện Chính sách và Phát triển;

- Căn cứ Kế hoạch học tập năm 2021 – 2022;

Học viện đề nghị các Khoa, Viện chuyên ngành phối hợp thực hiện rà soát các sinh viên thuộc diện cảnh báo kết quả học tập như sau:

1. Rà soát các trường hợp sinh viên thuộc diện cảnh báo, thuộc diện buộc thôi học có danh sách (*Phụ lục 01, Phụ lục 02 kèm theo*).

Các Khoa, Viện tổng hợp gửi danh sách về phòng Quản lý đào tạo (Đ/c Quỳnh) theo mẫu (*Phụ lục 03 đính kèm*) trước ngày 10/12/2021

2. Liên hệ phụ huynh, sinh viên để phối hợp tư vấn, hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập tại Học viện.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc, không rõ, đề nghị giảng viên và sinh viên báo cáo Ban Giám đốc qua Phòng Quản lý đào tạo để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban GD (để báo cáo);
- Khoa/Viện quản lý sinh viên (TB cho s/v);
- Ban Quản trị Website;
- Lưu: TCHC, QLĐT.

TL. GIÁM ĐỐC
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TP. PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO



TS. Nguyễn Thị Đông

Phụ lục 01

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOÁ 10 THUỘC ĐIỆN CẢNH BÁO NĂM HỌC 2020 - 2021

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	KHOÁ	ĐIỂM TBC TÍCH LUỸ_ KH1	ĐIỂM TBC TÍCH LUỸ_ KH2	ĐIỂM TBC TÍCH LUỸ_ NAM HOC
1	7103101203	ĐOÀN PHẠM TUẤN	ANH	Đầu thầu và quản lý dự án K10	K10	0	0	0
2	7103101202	NGUYỄN THỊ MAI	ANH	Đầu thầu và quản lý dự án K10	K10	0	0	0
3	7103101207	NGUYỄN TIẾN	CƯỜNG	Đầu thầu và quản lý dự án K10	K10	2.67	0	2.67
4	7103101216	TRẦN ĐẶNG BÍCH	HẰNG	Đầu thầu và quản lý dự án K10	K10	0	0	0
5	7103101222	LÊ CÔNG	LIÊM	Đầu thầu và quản lý dự án K10	K10	0	0	0
6	7103101225	BÙI DIỆU	LINH	Đầu thầu và quản lý dự án K10	K10	0	0	0
7	7103101223	NGUYỄN THÙY	LINH	Đầu thầu và quản lý dự án K10	K10	0	0	0
8	7103101236	TẠ THỊ LỆ	QUYÊN	Đầu thầu và quản lý dự án K10	K10	0	0	0
9	7103101246	NGUYỄN KHÁNH	TRÂM	Đầu thầu và quản lý dự án K10	K10	1.6	0	1.6
10	7103101247	TRẦN THU	TRANG	Đầu thầu và quản lý dự án K10	K10	0	0	0
11	7103105104	NGUYỄN NỮ NGỌC	ÁNH	Kế hoạch phát triển	K10	0	0	0
12	7103105107	ĐÀO HOÀNG	HẢI	Kế hoạch phát triển	K10	0	0	0
13	7103105113	NGUYỄN ĐÌNH HUY	HOÀNG	Kế hoạch phát triển	K10	1	1.5	1.25
14	7103105116	PHẠM VĂN	LAM	Kế hoạch phát triển	K10	0	0	0
15	7103402013	ĐÌNH TÙNG	DƯƠNG	Kế toán, kiểm toán 10A	K10	0	0	0
16	7103402017	VƯƠNG THỊ THANH	HOA	Kế toán, kiểm toán 10A	K10	0	2.75	2.75
17	7103402033	TỔNG THỊ HẢI	NINH	Kế toán, kiểm toán 10A	K10	0	0	0
18	7103402055	NGUYỄN HÀ	ANH	Kế toán, kiểm toán 10B	K10	1	2.82	2.5
19	7103402083	MAI THỊ THU	PHƯƠNG	Kế toán, kiểm toán 10B	K10	0	0	0
20	7103101007	QUẦN NGỌC	ÁNH	Kinh tế đầu tư 10A	K10	0	0	0
21	7103101010	VŨ KIM	CƯỜNG	Kinh tế đầu tư 10A	K10	0	0	0
22	7103101015	NGUYỄN TRỌNG	DUY	Kinh tế đầu tư 10A	K10	1	3	2.6
23	7103101022	MA VIỆT	HOÀNG	Kinh tế đầu tư 10A	K10	0.75	2.3	1.86

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	KHOÁ	ĐIỂM TBC TÍCH LUỸ_ KH1	ĐIỂM TBC TÍCH LUỸ_ KH2	ĐIỂM TBC TÍCH LUỸ_ NAM HOC
24	7103101025	LÊ THÀNH	HÙNG	Kinh tế đầu tư 10A	K10	1.5	0	1.5
25	7103101026	BẠCH MINH	HƯƠNG	Kinh tế đầu tư 10A	K10	0	0	0
26	7103101028	NGUYỄN VĂN	KHA	Kinh tế đầu tư 10A	K10	0	0	0
27	7103101035	NGUYỄN HOÀI	NAM	Kinh tế đầu tư 10A	K10	0	1.33	1.33
28	7103101037	ĐẶNG TUYẾT	NHI	Kinh tế đầu tư 10A	K10	0	0	0
29	7103101048	LÊ HOÀNG	TÙNG	Kinh tế đầu tư 10A	K10	0	2.63	2.63
30	7103101063	PHẠM TIẾN	DŨNG	Kinh tế đầu tư 10B	K10	0	0	0
31	7103106182	TRẦN HỮU TUẤN	ANH	Kinh tế đối ngoại K10	K10	0	0	0
32	7103106007	NGUYỄN HUY	BÌNH	Kinh tế đối ngoại K10	K10	0	0	0
33	7103106037	ĐỖ BÍCH	NGỌC	Kinh tế đối ngoại K10	K10	0	0	0
34	7103106040	NGUYỄN HOÀI	NGỌC	Kinh tế đối ngoại K10	K10	0	0	0
35	7103105019	NGUYỄN THỦY	LINH	Kinh tế phát triển	K10	0	0	0
36	7103101403	NGUYỄN ĐỨC	ANH	Kinh tế và quản lý công 1 K10	K10	0	0	0
37	7103106605	ĐÀO LÊ TRÂM	ANH	KTĐN CLC 10.1	K10	0	0	0
38	7103106615	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	KTĐN CLC 10.1	K10	0	0	0
39	7103106621	TRẦN ĐỨC	HUY	KTĐN CLC 10.1	K10	0	0	0
40	7103106656	DƯƠNG THU	TRANG	KTĐN CLC 10.2	K10	0	0	0
41	7103807002	TRẦN VĂN	ANH	Luật Đầu tư Kinh doanh K10	K10	0	3	3
42	7103807021	GIẢNG NGUYỄN THUẬN	HIẾU	Luật Đầu tư Kinh doanh K10	K10	2.75	0	2.75
43	7103807023	TRẦN THỊ	HOÀI	Luật Đầu tư Kinh doanh K10	K10	3.5	0	3.5
44	7103807057	LÝ THANH	THẢO	Luật Đầu tư Kinh doanh K10	K10	2.44	0	2.44
45	7103807058	ĐÀO ANH	THƯ	Luật Đầu tư Kinh doanh K10	K10	2.5	0	2.5
46	7103402169	PHAN VĂN	ĐẠT	Ngân hàng K10	K10	0	3.08	3.08
47	7103402175	NGUYỄN QUANG	HẢI	Ngân hàng K10	K10	0	2.82	2.82
48	7103401669	TRẦN THU	HÀ	QTKDQT CLC 10.3	K10	3	0	3
49	7103401676	NGÔ BẢO	MINH	QTKDQT CLC 10.3	K10	1.9	0	1.9
50	7103102002	MENH VŨ QUỲNH	ANH	Quản lý công K10	K10	0	0	0

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	KHOÁ	ĐIỂM TBC TÍCH LUỸ_ KH1	ĐIỂM TBC TÍCH LUỸ_ KH2	ĐIỂM TBC TÍCH LUỸ_ NAM HOC
51	7103401011	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	Quản trị doanh nghiệp 10A	K10	0	0	0
52	7103401055	LÊ KIM	ANH	Quản trị doanh nghiệp 10B	K10	0	0	0
53	7103401080	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	Quản trị doanh nghiệp 10B	K10	0	0	0
54	7103401089	NGUYỄN HỮU	THẮNG	Quản trị doanh nghiệp 10B	K10	0	0	0
55	7103401091	NGUYỄN THU	THẢO	Quản trị doanh nghiệp 10B	K10	0	0	0
56	7103401226	NGUYỄN PHƯƠNG	NHI	Quản trị marketing 10A	K10	0	0	0
57	7103401238	TRẦN THỊ NGỌC	TRÂM	Quản trị marketing 10A	K10	2	0	2
58	7103401245	ĐÀO XUÂN	TRƯỜNG	Quản trị marketing 10A	K10	0	2.93	2.93
59	7103401253	VĂN THỊ	ANH	Quản trị marketing 10B	K10	1.17	0	1.17
60	7103401259	NGUYỄN LÂM	ĐỨC	Quản trị marketing 10B	K10	0	0	0
61	7103401270	PHAN THỊ THU	LIÊN	Quản trị marketing 10B	K10	1.5	0	1.5
62	7103401272	TRẦN THỊ THÙY	LINH	Quản trị marketing 10B	K10	0	3.33	3.33
63	7103401299	ĐOÀN THỊ THẢO	VY	Quản trị marketing 10B	K10	0	0	0
64	7103402146	NGUYỄN TÙNG	ANH	Tài chính đầu tư K10	K10	0	0	0
65	7103402152	HOÀNG THỊ	LAN	Tài chính đầu tư K10	K10	0	0	0
66	7103402158	MAI THU	TRANG	Tài chính đầu tư K10	K10	0	0	0
67	7103402108	PHÍ TIẾN	ĐẠT	Tài chính K10	K10	1.75	1.75	1.75
68	7103402220	TRẦN QUANG	MINH	Tài chính K10	K10	0	2	2
69	7103402136	TRƯƠNG VĂN	THÙY	Tài chính K10	K10	0	2.5	2.5
70	7103106168	NGUYỄN THỊ	THÙY	Thương mại quốc tế và logistics 1 K10	K10	0	0	0
71	7103106175	NGUYỄN ĐỨC	TRUNG	Thương mại quốc tế và logistics 1 K10	K10	2	0	2

Phụ lục 02
DANH SÁCH SINH VIÊN KHOÁ 11 THUỘC ĐIỆN CẢNH BÁO NĂM HỌC 2020 - 2021

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Khoá	Nghề	Điểm TBCTL năm 1
1	71131101056	Kiều Xuân Dương	12-05-2002	KT11.01	K11	Kinh tế	0.35
2	71131101158	Nguyễn Đức Long	15-05-2002	KT11.01	K11	Kinh tế	0
3	71131101101	Nguyễn Thị Minh Huệ	10-07-2001	KT11.01	K11	Kinh tế	0
4	71131101059	Trịnh Đình Ánh Dương	29-03-2002	KT11.01	K11	Kinh tế	0
5	71131101258	Trịnh Thị Thảo	01-07-2002	KT11.01	K11	Kinh tế	0.92
6	71131101014	Nguyễn Hoàng Anh	28-06-2002	KT11.02	K11	Kinh tế	0.1
7	71131101016	Nguyễn Hồng Anh	05-08-2002	KT11.02	K11	Kinh tế	0
8	71131101218	Nguyễn Minh Phương	23-11-2002	KT11.02	K11	Kinh tế	0.98
9	71131101276	Lê Anh Tiến	30-05-2002	KT11.03	K11	Kinh tế	0.1
10	71131101127	Lê Văn Khải	23-01-2002	KT11.03	K11	Kinh tế	0.86
11	71131101076	Nguyễn Duy Hào	30-04-2002	KT11.03	K11	Kinh tế	0.16
12	71131101077	Nguyễn Gia Hào	10-09-2002	KT11.03	K11	Kinh tế	0.67
13	71131101071	Nguyễn Thanh Hải	12-01-2002	KT11.03	K11	Kinh tế	0.88
14	71131101022	Nguyễn Văn Anh	23-10-2002	KT11.03	K11	Kinh tế	0.36
15	71131101230	Nguyễn Xuân Quang	26-11-2002	KT11.03	K11	Kinh tế	0.12
16	71131101024	Phạm Đào Tuấn Anh	04-03-2002	KT11.03	K11	Kinh tế	0.21
17	71131101171	Phạm Phú Minh	25-04-2002	KT11.03	K11	Kinh tế	0.98
18	71131101183	Đào Trang Ngân	16-09-2000	KT11.04	K11	Kinh tế	0
19	71131101085	Đỗ Lâm Hiếu	11-11-2002	KT11.04	K11	Kinh tế	0
20	71131101231	Ngô Quang Quý	20-07-2002	KT11.04	K11	Kinh tế	0
21	71131101039	Trịnh Kim Chi	29-09-2002	KT11.04	K11	Kinh tế	0.1
22	71131101143	Hà Ngọc Phương Linh	28-01-2002	KT11.05	K11	Kinh tế	0.47
23	71131101244	Nguyễn Đức Thái	04-07-2002	KT11.05	K11	Kinh tế	0
24	71131101042	Nguyễn Văn Cường	28-10-2002	KT11.05	K11	Kinh tế	0
25	71131101241	Phan Thế Sơn	28-01-2002	KT11.05	K11	Kinh tế	0.62
26	71131101043	Trần Mạnh Cường	27-02-2002	KT11.05	K11	Kinh tế	0.86

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Môn học	Khoá	Ngành	Điểm TBCTL năm I
27	71131101326	Trương Hải Yến	16-03-2002	KT11.05	K11	Kinh tế	0.52
28	71134201068	Trần Hà Mai Linh	03-12-2002	KTO11	K11	Kế toán	0.1
29	71134301142	Bùi Thị Xuân	29-10-2002	KTO11.01	K11	Kế toán	0.78
30	71134301118	Lê Thu Trang	18-09-2002	KTO11.02	K11	Kế toán	0.36
31	71134301016	Nguyễn An Chinh	09-09-2002	KTO11.02	K11	Kế toán	0.9
32	71131105026	Đại Văn Dương	01-01-2002	KTPT11.01	K11	KTPT	0.48
33	71131105047	Đặng Thị Hương	20-07-2002	KTPT11.01	K11	KTPT	0.84
34	71131105004	Đoàn Kỳ Anh	03-10-2001	KTPT11.01	K11	KTPT	0.72
35	71131105023	Hoàng Trung Đức	29-12-2002	KTPT11.01	K11	KTPT	0.66
36	71131105041	Nguyễn Thị Thu Hoài	13-01-2002	KTPT11.01	K11	KTPT	0.9
37	71131105024	Vũ Minh Đức	23-09-2002	KTPT11.01	K11	KTPT	0.48
38	71131105095	Phạm Quỳnh Trang	09-11-2002	KTPTK11	K11	KTPT	0
39	71131106146	Lê Thị Trang	21-07-2001	KTQT11.01	K11	KTQT	0
40	71134101092	Lê Thị Liên	27-03-2002	QT11.01	K11	QTKD	0.88
41	71134101006	Lê Thị Phương Anh	18-12-2002	QT11.01	K11	QTKD	0.72
42	71134101095	Lưu Nhật Linh	18-05-2002	QT11.01	K11	QTKD	0.47
43	71134101010	Nguyễn Nhật Anh	03-09-2001	QT11.01	K11	QTKD	0
44	71134101017	Nguyễn Văn Anh	04-10-2002	QT11.02	K11	QTKD	0.98
45	71134101709	Nguyễn Đức Mạnh	09-06-2002	QT11.03	K11	QTKD	0
46	71134101082	Nguyễn Thị Khánh Huyền	19-08-2002	QT11.03	K11	QTKD	0.83
47	71134101123	Nguyễn Thị Nhung	16-10-2002	QT11.03	K11	QTKD	0.88
48	71134101055	Trần Thị Thanh Hằng	19-02-2002	QT11.03	K11	QTKD	0
49	71134201144	Đào Phương Linh	14-10-2002	TC11.01	K11	TCNH	0.35
50	71134201108	Hàn Đức Nam Sơn	14-11-2002	TC11.01	K11	TCNH	0.81
51	71134201088	Nguyễn Thị Bích Ngọc	14-10-2002	TC11.01	K11	TCNH	0.69
52	71134201101	Nguyễn Thị Hoài Phương	22-09-2002	TC11.01	K11	TCNH	0.72
53	71134201068	Trần Hà Mai Linh	03-12-2002	TC11.01	K11	TCNH	0.1
54	71134201057	Hoàng Thị Khánh Linh	28-10-2002	TC11.02	K11	TCNH	0.88
55	71134201138	Nguyễn Văn Tuyền	15-10-2002	TC11.02	K11	TCNH	0.85

HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN
KHOA:.....

Phụ lục 03
DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC DIỆN CẢNH BÁO HỌC TẬP VÀ BUỘC THÔI HỌC
NĂM HỌC 2020 - 2021

STT	Họ và tên	Lớp	Khoa	Tình trạng		Đề nghị		Ghi chú
				Đã nghỉ học (bao nhiêu học kỳ)	Đang học (tại lớp nào)	Cảnh báo học tập	Buộc thôi học	
1	Nguyễn Văn A	Kế toán, kiểm toán 10B	Kế toán kiểm toán	2 học kỳ			X	
2	Trần Thị B	Kinh tế đầu tư 10A	Kinh tế		Kinh tế đầu tư 10A	X		
...								

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA